

TÌNH HÌNH DI DÂN CỦA NGƯỜI VIỆT ĐẾN VÙNG VEN BIỂN PHÍA NAM THỪA THIÊN HUẾ DƯỚI THỜI CHÚA NGUYỄN

Mai Văn Được

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: maيدuochusc@gmail.com

Ngày nhận bài: 29/4/2022; ngày hoàn thành phản biện: 4/5/2022; ngày duyệt đăng: 4/5/2022

TÓM TẮT

Vùng ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế thuộc thành phố Huế cùng hai huyện Phú Vang, Phú Lộc, tính từ cửa biển Thuận An đến núi Hải Vân. Dưới thời chúa Nguyễn, nơi đây đón nhận nhiều lớp người Việt di dân đến định cư sinh sống. Trong đó, nhiều nhất là giai đoạn từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ xứ Thuận Hóa đến trước chiến tranh Trịnh - Nguyễn nổ ra (1558-1627). Những dân di cư này đến từ nhiều vùng miền và thuộc nhiều giai tầng xã hội khác nhau, song phần lớn là quê ở vùng Thanh - Nghệ và là nông dân. Điểm nổi bật là trong số đó có một bộ phận theo phò tá chúa Nguyễn Hoàng. Về sau con cháu họ được hưởng nhiều ân điển của chính quyền chúa Nguyễn.

Từ khóa: Chúa Nguyễn, di dân, ven biển.

1. MỞ ĐẦU

Tỉnh Thừa Thiên Huế có bờ biển dài khoảng 120km. Các làng xã ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế thuộc thành phố Huế và hai huyện Phú Vang, Phú Lộc, tính từ cửa biển Thuận An đến núi Hải Vân. Trong bức tranh chung về lịch sử di dân của người Việt đến vùng đất Thuận Quảng từ sự kiện năm 1306 hai châu Ô, Lý thuộc về Đại Việt đến thời chúa Nguyễn, cuộc di dân mạnh mẽ nhất diễn ra dưới thời Lê Sơ. Nhưng riêng đối với vùng đất ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế, tính đến giữa thế kỷ XVI dân cư người Việt đến đây sinh cơ lập nghiệp khá ít. Sang đến thời chúa Nguyễn, vùng đất này đón nhận nhiều lớp cư dân người Việt “*Nam tiến*” vào khai phá, lập nên các làng xã mới và bổ sung nhân lực cho các làng xã đã hình thành trước đó.

2. NHỮNG NHÂN TỐ THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH DI DÂN VÀO VÙNG VEN BIỂN PHÍA NAM THỪA THIÊN HUẾ

Năm 1558, Nguyễn Hoàng được vua Lê cử vào trấn thủ vùng Thuận Hóa, tạo ra bước ngoặt mới cho công cuộc di dân khai phá hình thành và mở rộng làng xã ở vùng ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế.

Sự kiện này được Đại Nam thực lục tiền biên chép như sau: “Mậu Ngọ, năm thứ 1 [1558]..., mùa đông, tháng 10, chúa bắt đầu vào trấn thủ Thuận Hóa, 34 tuổi. Những người bộ khúc đồng hương ở Tống Sơn và những người nghĩa dũng xứ Thanh Hoa đều vui lòng đi theo” [4, tr. 28]. Vùng đất Thuận Hóa vốn được xem là “ô châu ác địa”, nơi đây quân Mạc còn rất đông, lòng người chưa thuận. Tuy nhiên, với tài năng của mình, Nguyễn Hoàng đã xây dựng vùng đất này trở thành một vùng đất trù phú, người dân được an cư lạc nghiệp. Sách Đại Nam thực lục tiền biên ghi nhận: “Bấy giờ chúa ở trấn hơn 10 năm, chính sự rộng rãi, quân lệnh nghiêm trang, nhân dân đều yên cư lạc nghiệp, chợ không hai giá, không có trộm cướp” [4, tr. 31].

Một năm sau khi chúa Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa, ở “Thanh Hoa và Nghệ An bị lụt, dân lưu tán nhiều vào miền Nam” [4, tr. 28]. Đây là lực lượng bổ sung thêm vào quá trình khai phá ở vùng Thuận Hóa. Vùng ven biển Nam Thừa Thiên Huế có vị trí trọng yếu trong việc bố phòng quân sự, nhất là ở các cửa biển. Năm Canh Thân thứ 3 (1560), “mùa đông, đặt đồn cửa biển giữ miền duyên hải (bấy giờ quân Mạc thường theo đường biển vào cướp Thanh Nghệ nên phải đề phòng)” [4, tr. 28]. Đó cũng là bối cảnh ra đời một số làng xã cạnh cửa Tư Hiền, như làng Phụ An, Mỹ Lợi, Mỹ Á.

Trong thời gian trấn thủ Thuận Hóa (1558) và kiêm quản Quảng Nam (1570), chúa Nguyễn Hoàng có hai lần ra yết kiến vua Lê, giúp nhà Lê đánh quân Mạc vào các năm 1569, 1592. Sau đó ông trở về Nam vào năm 1570 và năm 1600 trở về hẳn, không quay lại đất Bắc. Trong hai lần vào Nam đó, cùng với lần thứ nhất là năm 1558, chúa Nguyễn Hoàng đã đem theo lực lượng hùng hậu là những tướng sĩ bản bộ, những người cùng quê ở Tống Sơn (quý huyện), những người nghĩa dũng xứ Thanh [4, tr. 28 - 31], có cả những người cùng trong dòng tộc của ông. Trong số đó, có nhiều người đến khai phá vùng đất ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế.

Năm 1571, chúa Nguyễn Hoàng đem quân đi đánh “Mỹ Lương, Văn Lan và Nghĩa Sơn (đều không rõ họ) nổi loạn, đánh dẹp yên” [4, tr. 29]. Trong lần đánh này có sự trợ giúp của các vị họ Nguyễn, họ Trần và họ Hoàng ở thôn An Ba, xã Cừ Hà (vùng cửa biển Nhật Lệ, Quảng Bình). Sau đó ba vị này theo chúa Nguyễn Hoàng vào và chọn vùng ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế để sinh sống, lập làng An Bằng.

Sau chúa Nguyễn Hoàng, các vị chúa Nguyễn khác tiếp nối sự nghiệp của tổ tiên mình, xây dựng vùng Đàng Trong ngày một phát triển với nhiều chính sách khác nhau.

Chính sách có tác dụng thúc đẩy mạnh quá trình di dân đến khai phá vùng đất mới đó là chính sách cho phép người dân khai khẩn đất hoang thành ruộng tư. Điều này được sách *Đại Nam thực lục* chép như sau: “người khai khẩn rừng hoang mà cày thành ruộng thì cho trưng làm ruộng tư [bản bức tư điền] cho cày mãi mà nộp thuế riêng, xã dân không được tranh chiếm. Từ đó dân hết môi tranh kiện, yên phận làm ăn” [4, tr. 82].

Trong các thế kỷ XVI - XVIII, chiến tranh Trịnh - Nguyễn, rồi nạn kiêm tính ruộng đất ở Đàng Ngoài ngày càng gia tăng đã đẩy một bộ phận người dân di cư vào Đàng Trong sinh sống.

Từ cuối thế kỷ XVII, chính quyền vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài ngày càng suy yếu. Triều đình không lo chính sự, không đủ sức để quan tâm đến việc đề điều, thủy lợi và sản xuất. Nạn đói vỡ, hạn hán diễn ra triền miên. Do đó, trong những năm cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII đã xuất hiện nhiều trận đói lớn vào các năm 1690, 1694, 1695, 1702, 1703, 1708, 1711, 1713, 1721, 1727, 1728, 1729, 1730, 1734, 1737, 1740... Trước tình hình này, nông dân bỏ làng ra đi rất nhiều, cư dân phiêu tán khắp nơi. Nhiều lớp cư dân đã rời vùng đất phía Bắc vào tìm kiếm cuộc sống mới ở Đàng Trong; có một bộ phận đến vùng ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế, bổ sung nguồn nhân lực cho công cuộc khai phá hình thành và phát triển làng xã ở đây.

3. NHỮNG LỚP CƯ DÂN VIỆT DI DÂN ĐẾN VÙNG VEN BIỂN PHÍA NAM THỪA THIÊN HUẾ DƯỚI THỜI CHÚA NGUYỄN

3.1. Về quá trình di dân

Sau sự kiện năm 1558 chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào trấn thủ xứ Thuận Hóa, các lớp cư dân đến vùng ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế ngày một nhiều, bổ sung thêm nguồn nhân lực phong phú cho công cuộc khai phá vùng đất này. Căn cứ vào bối cảnh lịch sử thời chúa Nguyễn và tình hình di dân của người Việt đến nơi đây, chúng tôi tạm chia làm ba giai đoạn như sau:

- Những lớp cư dân đến từ thời chúa Nguyễn Hoàng cho đến trước khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn diễn ra (năm 1627)

Những cư dân đến vùng ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế trong giai đoạn này phần nhiều là những người theo chân chúa Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa lập nghiệp; và cũng có những lớp di dân tự do. Những cư dân này đã cùng nhau khai phá, lập nên các làng An Dương, Phương Diên, Diên Lộc, Mai Vinh, Khánh Mỹ, Tân Sa, Xuân Thiên, Hà Thanh, An Bằng, Mỹ Lợi, Mỹ Á, Phụ An¹.

¹ Làng Phương Diên lúc mới thành lập có tên là Hoa Diên; tương tự, Diên Lộc là Hoa Lộc, Mai Vinh là Mai Vình, Khánh Mỹ là Thuận Mỹ, Tân Sa là Tiên Sa, Xuân Thiên là Đường Thiên, An Bằng là An Đồi, Mỹ Lợi là Mỹ Toàn, Phụ An là Trại Lũy.

Vào cùng lúc với chúa Nguyễn Hoàng đi trấn thủ Thuận Hóa có 2 ông họ Nguyễn, Phan làng Hà Thanh và 8 ông họ Lê, Trương, Nguyễn Bá, Nguyễn Văn, Đỗ, Sào, Đoàn, Trần làng Mỹ Lợi. Họ là những binh lính nằm trong đoàn quân Nam tiến và cùng quê Thanh Hóa với chúa Nguyễn Hoàng.

Theo khảo cứu của nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Đăng, năm Mậu Ngọ đầu niên hiệu Chính Trị (1558) (đời vua Lê Anh Tông), Nguyễn Công Chánh và Phan Bá Tùng vào trấn Thuận Hóa hộ giá, bao chiếm địa bộ, lập nền cho đời sau. Gia phả hai họ Nguyễn, Phan cho biết hai ông có nguồn gốc từ xã Thanh Đồng, tổng Ngọc Sơn, huyện Nông Cống, trấn Thanh Hoa (nay là xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa), đều là binh tướng của chúa Nguyễn Hoàng, tham gia chinh chiến lập được chiến công nên Nguyễn Công Chánh được thưởng 30 lạng bạc, Phan Bá Tùng được thưởng 10 nén bạc [3, tr. 194].

Tám vị tiền hiền, khai canh làng Mỹ Lợi cũng theo chúa Nguyễn Hoàng vào năm 1558 nhưng lập làng có phần muộn hơn. Bài tựa chi phả họ Nguyễn làng Mỹ Lợi có đoạn chép: “Kính ghi: Ngài thủy tổ ta tên Bá Niên, nguyên người xã Lương Niệm, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, trấn Thanh Hoa (nay tỉnh Thanh Hóa), đầu niên hiệu Chính Trị (1558) đời Lê, theo quân đội vào Nam ở xứ Thuận Hóa (nay phủ Thừa Thiên), đến năm Chính Trị thứ mười (1567), kết hợp với các ngài cùng quê (làng Lương Niệm) họ Lê, họ Trương, họ Nguyễn, họ Sào, họ Đỗ, họ Đoàn, họ Trần đứng đơn xin khai trưng phần đất ấp ta, vạch ranh giới, mở ruộng nương, làm lợi cho dân suốt hơn bốn trăm năm lại nay” [2, tr. 359]. Khai canh tổ bát vị sự tích của làng Mỹ Lợi cho biết: “Tám ngài Tổ khai canh làng ta được sắc phong Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò, tặng thêm Đoan Túc tôn thần (chín đạo sắc phong, trong đó một đạo hợp phong), là người xã Lương Niệm tỉnh Thanh Hóa. Các ngài vốn trong đám quân sĩ năm Chính Trị triều Lê theo phò chúa Tiên (tức đức Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế triều ta) vào trấn thủ Thuận Hóa (nay Thừa Thiên). Sau khi yên việc, các ngài bèn cùng đứng đơn kê khai trưng phần đất ấp ta (Đông giáp biển và ấp Mỹ Á, Nam giáp hai xã Nghi Giang, Đơn Chế, Tây giáp ba xã Diêm Trường, Phụng Chánh, Lương Viện, Bắc giáp biển và ấp An Bằng), đặt tên là phường Mỹ Toàn (sau đổi thành ấp Mỹ Lợi), để lại đến trăm đời sau” [2, tr. 263]. Các tờ thị năm Chính Hòa thứ 9 (1688), Cảnh Hưng 26 (1765) do chúa Nguyễn cấp cho làng Mỹ Lợi cũng phản ánh công lao phò chúa Nguyễn Hoàng: “Do đời trước cha ông theo Tiên vương [chúa Tiên] ứng nghĩa có công, nay đem việc ấy xin với Nội phủ. Vì vậy, chuẩn cho cả phường từ nay về sau theo Nội phủ làm các việc, hàng năm đem nộp củ mài, còn những thứ thuế má tạp dịch đều miễn hết”¹. Tám vị khai canh đến sớm nhất ở làng Mỹ Lợi là: Lê Văn Dài, Trương Văn Trực, Nguyễn Văn Đầu, Nguyễn Bá Niên, Đỗ Văn Lịch, Sào Văn

¹ Nguyên văn: 由前朝祖父從仙王應義有功茲乞內府事為此合付全坊等自茲以後從內府應務常年應納署積係有搜差各務並準除 - Do tiền triều tổ phụ tòng Tiên vương ứng nghĩa hữu công, tư khất nội phủ sự. Vì thử hợp phó toàn phường đẳng tự tư dĩ hậu tòng Nội phủ ứng vụ, thường niên ứng nạp thực dự, hệ hữu sưu sai các vụ tịnh chuẩn trừ.

Liều, Đoàn Văn Bài, Trần Văn Nghĩa¹. Họ cùng nhau lập nên làng Mỹ Lợi sau khi hết nhiệm vụ tòng quân.

Cùng trong đoàn quân của chúa Nguyễn có ông Huỳnh Văn Gộc, thủy tổ họ Huỳnh làng Mỹ Á. Ông tham gia giữ cửa biển Tư Hiền, có công dùng trâu cày khơi cửa biển này (hiện nay vẫn còn ngôi miếu nằm ở đoạn sông mà ông đã có công khơi). Về sau, ông khai phá lập nên làng Mỹ Á, nhưng chỉ nhận là khai khẩn. Sau đó một thời gian ngắn, các vị họ Lê, Phạm, Nguyễn khai canh làng Mỹ Á vào vùng này, khoảng cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII. Họ Lê và họ Phạm chỉ truyền nối được vài đời, về sau vô tự; họ Nguyễn truyền đến nay được 16 đời, cũng hơn 400 năm. *Nguyễn tộc phổ hệ* của họ Nguyễn làng Mỹ Á cho biết, ngài thủy tổ là Nguyễn Văn Lợi, quê gốc ở Gia Miêu Ngoại trang, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

Trong đợt chúa Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa lần thứ 2 (năm 1570) có ba vị Nguyễn Linh quý công, Trần quý công và Hoàng quý công đi theo. Ba ông ở thôn An Ba, xã Cù Hà, huyện Khang Lộc (nay nằm cạnh cửa biển Nhật Lệ, tỉnh Quảng Bình) có công phò tá giúp chúa Nguyễn đánh giặc “Mỹ quận” năm 1571². *Thần tích khai canh làng An Bằng* chép lại sự kiện này như sau: “Thuở ấy còn buôn thông đồng, thôn An Ba xã Cù Hà có lẽ là buôn ngoài ấy [vùng Thanh Hóa]. Đức Tiên vương ngài đòi các lái thôn An Ba ngài hỏi: “Xứ Quảng Bình cùng Huế có quan nào lớn, binh mã nhiều chăng?”. Các lái mới thưa ngài rằng: “Thôn An Ba xã Cù Hà chúng tôi ở cửa Sài (tức cửa Nhật Lệ) đầu phủ Quảng Bình, bằng lên nguồn Gộc thì có một ông tên là Mỹ quận công nhậm để chức thì sang, binh mã thì có ít, cũng gần thôn chúng tôi”. Đức chúa Tiên ngài liền bảo xã chúng tôi sang năm khác tháng Tám thì ra rước ông vào chơi trong ấy. Đến năm sau, xã chúng tôi liền đón, mười chiếc thuyền ra đến cửa Hội Thống, lại ra đến hòn Song Ngư, lại ra đến Thảo Thiên liền gặp ngài, liền rước ngài vào đến cửa Sài, lên ở đình Động Hải... Đến tối, ngài liền khiến xã đem ngài lên Gộc. Đến sáng ngài lên đánh Mỹ quận, Mỹ quận thua trận. Ngài liền bắt được Mỹ quận... Ngài thấy xã chúng tôi có công, ngài liền bảo Nội phủ cho xã chúng tôi yên ổn... Cổ tích ở xã Cù Hà thuộc nội phủ, huyện Khang Lộc, phủ Quảng Bình có thôn An Ba [Cù thôn]. Nguyên tiền hiền là Nguyễn Quý công, Trần Quý công và Trương Quý công theo vua (chúa) đến phủ Triệu Phong, thăm dò được cửa biển Trường Sa thuận lợi cho việc chài lưới, liền xin tự lập xã An Đôi...” [2, tr. 355 - 357]. Các tờ thị năm Vĩnh Thịnh 14 (1718), Vĩnh Hựu thứ 5 (1739), Cảnh Hưng thứ 26 (1766) của chúa Nguyễn ban cho làng An Bằng cũng phản ánh công lao phò tá của ba vị khai canh làng An Bằng: “*bốn phường có công ứng nghĩa đón rước đức chúa Tiên*”³.

¹ Trong đó, hai vị Đỗ Văn Lịch và Sào Văn Liều hiện nay không còn hậu duệ.

² *Đại Nam thực lục tiền biên* chép sự kiện năm 1571, Mỹ Lương, Văn Lan và Nghĩa Sơn (đều không rõ họ) nổi loạn, bị chúa Nguyễn Hoàng đánh dẹp yên.

³ Nguyên văn: 本坊有功應義扶德仙王 - bốn phường hữu công ứng nghĩa phù đức Tiên vương.

Thủy tổ hai họ Trần, Lê làng Tân Sa cũng đứng chân khai phá vùng ven biển khoảng thời chúa Nguyễn Hoàng; trong đó, ông họ Trần là người phò tá chúa Nguyễn Hoàng. *Trần tộc đệ nhất chi phổ* của họ Trần chi Nhất làng Tân Sa soạn năm Kiến Phúc nguyên niên (1884) cho biết: “*Thủy tổ khảo Bốn thổ khai canh Trần quý công tôn thần là con của ngài sơ tổ, người tỉnh Bắc thành; quê quán, quan chức, năm sinh, tên húy đều không rõ. Ngài vốn theo chúa Nguyễn xây dựng kinh đô ở Thuận Hóa. Cùng ngài họ Lê khai tịch vùng đất này lập thành một ấp*”¹. Ông chết chôn tại xứ Trầm Niên Thượng của làng. Họ Trần đến nay truyền được 17-18 đời, ước tính cũng được hơn 450 năm. Ông thủy tổ họ Trần sinh 4 người con trai là Trần Thọ Cương, Trần Thọ Nghi, Trần Thọ Chỉ và Trần Thọ Muộn. Ba người con trai đầu xuất ra ba chi, họ Trần nhất, họ Trần nhì, họ Trần ba của làng Tân Sa. Riêng người con trai út lên vùng Phương Diên làm nghề biển, trở thành bốn thổ tiền khai canh làng Phương Diên.

Ba vị thủy tổ họ Lê Viết, Lê Đức, Trương làng Kế Sung vào Thuận Hóa khoảng đầu thế kỷ XVII. Sở dĩ chúng tôi đưa ra thời điểm này là đời thứ ba họ Lê Viết có ông Lê Viết Huệ sinh năm 1667, làm Chương Thái giám trong phủ chúa Nguyễn, tước Tâm Thuận hầu. Khi ba vị này đến đã có vị tướng quân họ Nguyễn khai phá; ba ông trở thành đồng bốn thổ khai khẩn làng Kế Sung. Các tư liệu Hán Nôm còn lưu giữ tại làng Kế Sung cho biết ông họ Lê Viết và Lê Đức đều là những quan chức. Sắc phong năm Khải Định thứ 2 (1917) cho ông họ Lê Viết là “*Bốn thổ khai khẩn An Tráng hầu Lê Đại lang*”, cho ông họ Lê Đức là “*Bốn thổ khai khẩn Dương Đô hầu Lê Đại lang*”. Gia phả họ Lê Đức soạn năm Bảo Đại thứ 12 (1936) còn cho biết ông họ Lê Đức làm quan Cai tri. Như vậy, rất có thể hai vị thủy tổ họ Lê Viết và Lê Đức là những người làm quan đầu thời chúa Nguyễn. Họ theo phò chúa Nguyễn, sau khi hết nhiệm vụ thì chọn vùng đất ven biển nhưng diện tích khá rộng, nhiều đất đai để định cư và cùng với ông họ Trương khẩn trung đất đai.

Đồng thời với các cuộc di dân mang tính tổ chức (theo phò chúa Nguyễn Hoàng) thì giai đoạn nửa sau thế kỷ XVI đến trước cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn (1627) nổ ra còn có nhiều cuộc di dân mang tính lẻ tẻ khác vào Thuận Hóa do ảnh hưởng của chiến tranh Nam - Bắc triều và cả những nạn đói, thiên tai, mất mùa. Một bộ phận trong số họ đã vào vùng ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế để khai phá lập nên các làng xã. “*Bát tộc khai canh*” của làng An Dương, đó là các họ Ngô Đức, Nguyễn Văn (2 họ), Trương Viết, Trương Phước, Phan, Nguyễn Thanh, Võ Văn tương truyền là cùng nhau đi thuyền vào vùng đất An Dương để lập làng. Tuy nhiên, qua khảo sát tư

¹ Nguyên văn: 始祖考本土開耕陳貴公尊神乃初祖之子也北城人省貫官職年生諱字皆未詳貴公元隨阮主建都順化與黎貴公開籍本土建為一邑 - Thủy tổ khảo Bốn thổ khai canh Trần Quý công tôn thần nãi sơ tổ chi tử dã, Bắc thành nhân tỉnh, quán, quan chức, niên sanh, húy tự giai vị tường. Quý công nguyên tùy Nguyễn chúa kiến đô Thuận Hóa. Dữ Lê quý công khai tịch bốn thổ kiến vi nhất ấp.

liệu cho thấy họ Trương Viết từ Hà Hồng¹ (nay thuộc xã Vinh Thái, huyện Phú Vang) sang². Về thời điểm thành lập làng, gia phả họ Nguyễn Văn (thủy tổ Nguyễn Văn Mắm) soạn thời Tự Đức năm 1852 có chép về nguồn gốc và thời điểm đến khai phá vùng đất An Dương như sau: “Đến từ Thanh Hà... đến nay [thời điểm lập gia phả - 1852] hơn 200 năm”. Như thế, thời điểm các họ này đến khai phá lập nên làng An Dương vào khoảng cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII. Thời điểm này cũng khá trùng khớp với số đời mà các họ khai canh truyền cho đến hiện nay là 16-17 đời (nếu tính mỗi đời 25 - 30 năm thì trên dưới 450 năm).

Họ Tô làng Mai Vĩnh vào khai phá lập làng khoảng cuối thế kỷ XVI. Họ này đến nay truyền được khoảng 18 đời, nếu tính trung bình mỗi đời 25 - 30 năm đã được hơn 450 năm. Gia phả họ Tô chép ông Tô Công Hạt (thủy tổ họ Tô làng Mai Vĩnh) là con của ông Tô Công Cường, người xứ Kẻ Chợ (Thăng Long). Ông Tô Công Hạt là người có công khai canh, cùng với thủy tổ hai họ Phạm và họ Nguyễn khai thác cương thổ, lập thành làng Mai Vĩnh. Hai họ Phạm và họ Nguyễn vào ở Mai Vĩnh sau họ Tô ít lâu. Trong tờ giải quyết đơn kiện tranh chấp giữa họ Tô với họ Lê về vị thứ trong làng vào năm Duy Tân thứ 8 (1913) có đề cập đến việc này: “[Thủy tổ họ Tô] nguyên ở đất Bắc, cha con cùng vào. Buổi đầu cùng thủy tổ hai họ Phạm, Nguyễn khai thác cương thổ lập thành ấp. Đến sau có họ Phan, Lê tới sinh con đẻ cháu, tuy không có công khẩn lập nhưng sinh sống nhiều đời”. Họ Nguyễn vô tự, họ Phạm truyền đến nay cũng được 16-17 đời.

Cũng khoảng cuối thế kỷ XVI, ông Hoàng Bồ vào khai canh lập làng Xuân Thiên. Họ Hoàng đến nay truyền được 18 đời, khoảng hơn 450 năm. Cùng chung sức với ông Hoàng Bồ có ông Nguyễn Đam, Phạm Mô, Võ Quang, Trần Hưng, Lê Bàn, Văn Diệp và bà Nguyễn Thị Điều. Các vị này đến Xuân Thiên cách nhau về thời gian không lớn, rơi vào khoảng cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII. Các họ này đều truyền được khoảng 16-17 đời. Họ cùng nhau khai chiếm đất đai, tham gia vào lập làng Xuân Thiên, đều được ban tặng sắc phong “Bốn thổ khai canh”.

Ngài họ Huỳnh, họ Phan khai canh làng Phụ An đến vùng cạnh cửa Tư Hiền khai phá lập làng vào khoảng cuối thế kỷ XVI. Điều đáng tiếc là hiện nay không còn nhiều tư liệu để thấy rõ hành trạng của họ. Họ Huỳnh không còn sinh sống trong làng, chỉ có họ Phan truyền nối con cháu.

Khoảng cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII, ông Đinh Khắc Khảm cùng con trai, con rể (họ Nguyễn Viết) từ Hoằng Hóa (Thanh Hóa) vào đứng chân ở Kế Võ, cùng ông họ Hoàng (con cháu của Hoàng Bồ) khai canh lập làng Kế Võ.

¹ Họ Trương Viết từ Hà Hồng (Vinh Thái, Phú Vang) di cư đến và có gốc ở phía Bắc (không rõ làng nào, tỉnh nào).

² Lời truyền khẩu này có thể chỉ mang tính chất cố kết cộng đồng để tránh sự tranh chấp các họ đến trước, các họ đến sau. Tuy nhiên, qua đó cũng cho thấy các họ đến đây thời điểm không cách xa nhau nhiều, chỉ khoảng độ vài chục năm.

Khoảng đầu thế kỷ XVII, ông Trần Văn Nước, rồi sau đó là ông Đỗ Văn Lực đến vùng đất làng Hà Thanh, cùng tham gia khẩn trưng đất đai với họ Nguyễn Công và họ Phan; trở thành khai canh làng Hà Thanh. Trong khoảng thời gian này, Tiến sĩ Phan Tề và Lê Kỳ đại lang cùng nhau từ xã Bình Luật, huyện Thiên Lộc, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An (nay là xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh) vào sinh sống ở làng Mai Vĩnh.

- Những lớp cư dân đến trước khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn kết thúc (1627-1672)

Những cư dân đến vùng đất ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế giai đoạn này chủ yếu là di dân tự do. Đây chính là lực lượng bổ sung vào các làng đã thành lập trước đó và một số lập nên làng mới (trường hợp làng An Cư), đẩy nhanh quá trình khai phá vùng đất ven biển này.

Năm 1644, có ông Nguyễn Xuân Vi vào khai phá làng Khánh Mỹ, trước đó đã có các họ Phạm Duy, Nguyễn (vô tự), Nguyễn Phước Thọ. Gia phả họ Nguyễn Xuân làng Khánh Mỹ chép: “*Tháng 6 năm Giáp Thân niên hiệu Phúc Thái thứ hai (1644) (đời vua Lê Chân Tông) Nguyễn Xuân Vi từ Thanh Hóa vào Nam đến định cư Thuận Hóa*”. Năm Khải Định thứ 2 (1917), triều đình ban sắc phong ông là “*Bốn thổ khai canh*”. Tiếp đó, làng Khánh Mỹ có các ông Trương Vĩ, Nguyễn Văn Tung, Trương Văn Kỳ vào chung sức khai phá. Các vị này đều được ban sắc phong “*Bốn thổ khai canh*” năm Khải Định thứ 2 (1917).

Khoảng giữa thế kỷ XVII, ông Nguyễn Văn Hương đến khai phá làng Phương Diên, trước đó đã có ông Trần Thọ Muộn (thủy tổ họ Trần Đăng) từ Tân Sa lên khai phá. Cũng khoảng thời gian này ông Trần quý công (thủy tổ họ Trần Văn) cũng đến vùng đất này. Hai ông Nguyễn Văn Hương và Trần quý công trở thành “*Bốn thổ khai canh*” làng Phương Diên. Theo *Nguyễn tộc thế phổ* thì dòng họ Nguyễn trước đây theo chúa Nguyễn Hoàng vào Đàng Trong sinh sống (không rõ định cư ở đâu và từ đâu đến), đến đời thứ tư có ông Nguyễn Văn Hương chuyển sang làng Phương Diên.

Địa bạ làng Hà Thanh ghi năm Thịnh Đức 7 (1659)¹ cho biết những lớp cư dân tiếp tục đến làng Hà Thanh khai phá và đứng tên khẩn trưng là: Nguyễn Viết Quý,

¹ Địa bạ làng Hà Thanh ghi niên hiệu Thịnh Đức thứ 7; tuy nhiên, qua tra cứu chúng tôi nhận thấy không có năm Thịnh Đức thứ 7, niên hiệu Thịnh Đức là của Lê Thần Tông đặt trong 6 năm từ năm 1653 đến năm 1658. Có một hiện tượng nhiều văn bản Hán - Nôm thời chúa Nguyễn được phát hiện ghi sai niên hiệu. Điều này được lý giải là trong các văn bản, giấy tờ chúa Nguyễn vẫn sử dụng niên hiệu của vua Lê nhưng do sự đối địch, phân chia Đàng Trong - Đàng Ngoài nên có thể việc cập nhật niên hiệu của vua Lê bị chậm trễ. Tuy nhiên, ở trường hợp này chúng tôi cho rằng bản địa bạ làng Hà Thanh ghi nhầm niên hiệu Cảnh Trị thứ 7 (1669) thành Thịnh Đức thứ 7. Nếu như địa bạ được soạn năm Cảnh Trị thứ 7 thì hoàn toàn phù hợp với việc chúa Nguyễn cho quan lại tiến hành đo đạc ruộng đất, lập địa bạ vào năm 1669.

Nguyễn Văn Duyên, Phan Văn Hy, Nguyễn Văn Tô, Phan Văn Thanh, Nguyễn Văn Triều, Dương Công Trí, Nguyễn Văn Dâm, Phan Văn Đổ, Phan Tiến Đức, Nguyễn Văn Hợp, Nguyễn Văn Miên, Lê Văn Hối, Lê Văn Thân, gồm 14 người. Về sau, triều Nguyễn ban tặng sắc phong khai khẩn cho các ông: Nguyễn Viết Quý, Nguyễn Văn Duyên, Phan Tiến Đức, Dương Công Trí, Lê Văn Hối; mỹ tự “*Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò tôn thần*”, gia tặng “*Đoan Túc tôn thần*”.

Theo *Hậu khẩn thập ngũ vị sự tích* của làng Mỹ Lợi: “*Mười lăm ngài Hậu khai khẩn làng ta vào khoảng năm Cảnh Trị mở mang thành nếp, đôi theo ý đồ đời trước. Vạch xóm chia bờ, phát cỏ rậm mà tạo thành vườn ruộng; đặt phường dựng ấp, họp dân đông mà giao kết bạn bè. Phong tục thuần hòa, nhân dân yên ổn...*” [2, tr. 266]. Đó là những vị đứng tên kê khai trong địa bạ năm Cảnh Trị thứ 7 (1669): Bùi Bá Thọ, Huỳnh Văn Cập, Nguyễn Văn Chử, Lại Văn Sách, Huỳnh Văn Liên, Nguyễn Đức Trụ, Huỳnh Văn Xuân, Huỳnh Văn Trọng, Đồng Văn Túc, Lại Bá Niên, Lê Văn Biện, Lương Văn Đồn, Huỳnh Văn Nông, Lương Văn Trấn, Đoàn Đắc Phước. Các vị này đến trước và đến sau cách khoảng vài chục năm. Có một số vị đứng vào hàng khai canh, một số đứng vào hàng khai khẩn.

Khoảng cuối thế kỷ XVII (trước khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn kết thúc), các vị họ Đỗ, họ Nguyễn và ông Nguyễn Văn Minh, Dương Văn Nho vào vùng ven cửa biển Hải Vân và đầm Sam để khai phá lập nên Phước An Cây Mít tộc (nay là làng An Cư Đông và An Cư Tây). Về sau, họ Đỗ không còn hậu duệ, mộ táng cũng không có. Ông Dương Văn Nho và Nguyễn Văn Minh cũng không còn hậu duệ ở trong làng. Hiện nay, còn hai ngôi mộ song táng hai ông ở gần đình làng An Cư Tây.

- Những lớp cư dân đến sau khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn kết thúc

Nhóm cư dân này phần lớn di dân tự do. Một bộ phận di dân từ các làng xã phía Bắc, một bộ phận khác đến từ các làng xã trong địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Họ tiếp tục bổ sung lực lượng cho công cuộc khai phá đất đai, hình thành và mở rộng làng xã từ cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII.

Khoảng cuối thế kỷ XVII, ông Huỳnh Văn Lau - thủy tổ họ Huỳnh làng Hòa Duân từ Thanh Nghệ vào đây sinh sống. Ông trở thành người có công khai khẩn làng Hòa Duân. Họ Huỳnh đến nay truyền được khoảng 14-15 đời. Cùng với họ Huỳnh là họ Hồ di cư từ làng Công Lương (nay thuộc xã Thủy Vân, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế) đến đây chung sức khai phá.

Cũng khoảng thời gian này, ông Phạm Văn Vị đến sinh sống tại làng Kế Võ. Sau đó cháu nội ông là Phạm Văn Nhịp chuyển về sinh sống tại làng Xuân Thiên, khai phá đất đai, được phong làm “*Bốn thổ khai khẩn*” của làng Xuân Thiên.

Gia phổ họ Trương Công làng Phú Hải chép: “*Thị tổ khảo Thanh Hà quận Trương quý công thảo sáng chi thân, Thị tổ tử Hà Đông quận Bùi Thị Thổ Quý nương, khai thổ phong cương kiến lập ấp hiệu Phú Hải phường*”. Đây là họ đến vùng đất Phú Hải sớm nhất, tính

đến nay là 12-13 đời. Như vậy, ước đoán thời điểm ông Trương quý công vào Phú Hải khoảng cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII. Sau đó ít lâu thì các họ Hắc, Hồ Trọng cũng vào khai phá ở phường Xuân Yên (một giáp của Phú Hải, còn gọi là Phú Hải Trong). Gia phả dòng họ Hồ Trọng cho biết ngài thủy tổ là Hồ Trọng Đựng từ xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vào khai canh lịch đời lai truyền gọi Xuân Yên phường.

Tiên tổ họ Lê Phước là ngài Lê Công Tôn, “*quán ở xứ Cầm Me, xã Bình Luật, huyện Thừa Truyền, phủ Đức Quang, tỉnh Nghệ An. Năm thứ nhất Bảo Thái (niên hiệu thứ hai vua Lê Dụ Tông 1720 - 1729), ngài thủy tổ họ Lê Phước thôn Bình An vào Nam lập nghiệp; ngài đến xứ Thuận Hóa, phủ Triệu Phong, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên và sau đó định cư tại làng Bình An, tổng An Cư, phủ Thừa Thiên*” [1, tr. 13]. Xã Bình Luật là tên cũ của xã Bình Lăng, thuộc tổng Minh Lương, huyện Thiên Lộc, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An, nay thuộc xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Đến nay họ Lê Phước truyền được 14 đời.

Khoảng đầu thế kỷ XVIII, ông Nguyễn Văn Lại người làng An Bằng đến khai phá lập nên làng Cổ Dù. Vào năm Canh Hưng thứ 2 (1741) (đời vua Lê Hiến Tông), ông Phạm Văn Tê, người gốc huyện Phú Vang đến tại xứ Hói Cạn, Cây Mít phường sinh sống, khai phá ruộng đất, thiết lập gia cư. Về sau sinh hạ con cháu. Ông trở thành hậu hiền làng An Cư Tây.

3.2. Về thành phần dân di cư

Các lớp cư dân khai phá vùng đất ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn với nhiều thành phần khác nhau, gồm: quan lại, binh lính của chúa Nguyễn, người đồ đạc Nho học (trường hợp Tiến sĩ Phan Tề), thương nhân, nông dân, có cả người trong dòng họ của chúa Nguyễn (trường hợp Nguyễn Phúc Lợi - thủy tổ họ Nguyễn làng Mỹ Á)... nhưng nhiều nhất vẫn là nông dân.

Điểm đáng chú ý là một số nhân vật có công phò tá chúa Nguyễn Hoàng chọn nơi đây làm nơi định cư lâu dài. Đó là các trường hợp ông Nguyễn Công Chánh, Phan Bá Tùng là binh tướng của chúa Nguyễn Hoàng có công “*tiên khai canh*” lập nên làng Hà Thanh; Nguyễn Lĩnh quý công, Trần quý công và Hoàng quý công là dân buôn có công giúp chúa Nguyễn Hoàng trừ tướng nhà Mạc Mỹ quận công, Lập Bạo, lập nên làng An Bằng; Lê Văn Dài, Trương Công (Văn) Trực, Nguyễn Văn Đẩu, Nguyễn Văn (Bá) Niên, Đỗ Văn Lịch, Sào Văn Liễu, Đoàn Văn Bài, Trần Văn Nghĩa là lính của chúa Nguyễn Hoàng, lập nên làng Mỹ Lợi; Trần quý công - thủy tổ họ Trần làng Tân Sa theo phò tá chúa Nguyễn Hoàng “*kiến đô Thuận Hóa*”... Chính vì vậy, nhiều làng được nhận ơn của chúa Nguyễn, được lệ vào phủ chúa (Nội phủ) để làm việc hoặc nộp các sản vật, được miễn một số loại thuế, tạp dịch, miễn đi lính. Như làng Hà Thanh vì “*tiên triều có lập 3 chiếc thuyền chài phò tá đức Tiên vương có công*” nên được “*cho bằng miễn nạp thuế mắm và tiền thuế ghe, hể hàng năm vào các lễ Tết Nguyên Đán và lễ húy kỵ chỉ dâng lên*

mắm muối và làm lưới dày"¹. Hay làng An Bằng "vì bốn phường có công ứng nghĩa đón rước đức chúa Tiên, nên được cấp bằng son cho thuộc nội phủ mua hàng chuyên chở, khỏi phải làm các việc sưu dịch" [2, tr. 190]. Dân làng An Bằng được cho miễn đi lính, hàng năm nộp cá vược lên phủ chúa Nguyễn. Làng Mỹ Lợi cũng được theo Nội phủ làm việc, được miễn thuế má, tạp dịch, hàng năm nộp củ mài dâng lên các ngày lễ Tết Nguyên Đán, lễ Vạn Thọ và cúng giỗ các từ đường bên nội lẫn bên ngoại của chúa Nguyễn. Điều này đã tạo nên nét đặc biệt trong văn hóa làng xã ở vùng ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế và cũng thể hiện mối quan hệ làng - nước rất đặc trưng ở một số làng xã nơi đây với chính quyền chúa Nguyễn.

3.3. Về quê quán của những dân di cư

Những tư liệu hiện tồn khó có thể đưa ra một bức tranh đầy đủ và chính xác về quê gốc của những người di dân đến vùng ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế. Qua những tư liệu chúng tôi tiếp cận được, bước đầu chỉ đưa ra nhận định phần lớn cư dân di cư đến đây dưới thời chúa Nguyễn có quê gốc ở Thanh - Nghệ (thời điểm này bao gồm cả Hà Tĩnh hiện nay). Có thể kể đến như họ Nguyễn Văn khai canh Phương Diên gốc Thanh Nghệ; họ Nguyễn Công và Phan khai canh Hà Thanh gốc làng Thanh Đồng (Thanh Hóa); họ Phan, họ Lê làng Mai Vĩnh và họ Lê Phước khai khẩn Bình An đều có gốc làng Bình Luật, trấn Nghệ An (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh); họ Đinh Khắc khai canh Kế Võ gốc Thanh Hóa; họ Nguyễn, họ Trần khai khẩn Mỹ Á gốc Thanh Hóa; các họ Lê Viết, Lê Đức, Trương Văn khai khẩn làng Kế Sung có nguồn gốc ở Thanh Nghệ; họ Phạm Văn khai canh Mai Vĩnh gốc Thanh Hóa; họ Nguyễn Văn khai canh Đông An, khai khẩn Bình An có gốc vùng Thanh Nghệ; tám họ Lê, Trương, Nguyễn Văn (2 họ), Đỗ, Sào, Đoàn, Trần khai canh làng Mỹ Lợi đều có gốc làng Lương Niệm (Thanh Hóa); họ Hồ Trọng làng Phú Hải gốc Nghệ An...

Bên cạnh đó có một bộ phận ở các vùng khác phía Bắc như họ Tô khai canh làng Mai Vĩnh gốc Thăng Long; họ Nguyễn, Trần, Hoàng khai canh An Bằng gốc ở Cù Hồ, Quảng Bình... Ngoài ra, nhiều cư dân ở các làng lân cận đến cùng khai phá làng mạc mới, như họ Trương Viết ở Hà Hồng khai canh An Dương; họ Trần Đăng khai canh Phương Diên ở Tân Sa lên; họ Hoàng khai canh Kế Võ từ Xuân Thiên lên; họ Phạm khai khẩn Xuân Thiên từ Kế Võ về; họ Nguyễn khai canh Cổ Dù gốc làng An Bằng; họ Hồ làng Hòa Duân gốc làng Công Lương... Cũng có trường hợp tư liệu chỉ còn phản ánh được quê gốc ở miền Bắc như họ Trần làng Tân Sa.

4. KẾT LUẬN

Từ giữa thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVIII, bối cảnh lịch sử có nhiều biến chuyển. Chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, chính quyền của chúa Nguyễn

¹ Theo tờ Kiếu năm Vĩnh Thịnh thứ 17 (1721).

Tình hình di dân của người Việt đến vùng ven biển phía nam Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn

dần được hình thành ở Đàng Trong, chiến tranh Trịnh - Nguyễn nổ ra, tình hình Đàng Ngoài suy thoái, khủng hoảng, mất mùa, đói kém... Do đó, nhiều lớp cư dân đã rời vùng đất phía Bắc vào tìm kiếm cuộc sống mới ở Đàng Trong, một bộ phận trong số đó đến vùng ven biển phía Nam Thừa Thiên Huế, bổ sung nguồn nhân lực cho công cuộc khai phá hình thành và phát triển làng xã ở đây. Những cư dân đến đây theo hai hình thức cơ bản là do chúa Nguyễn tổ chức (đi theo phò tá chúa Nguyễn) và di dân tự do. Thời chúa Nguyễn chứng kiến một lực lượng lớn di dân đến khai phá vùng ven biển này mà trước và sau đó rất ít. Trong đó, nhiều nhất là giai đoạn từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ xứ Thuận Hóa đến trước chiến tranh Trịnh - Nguyễn nổ ra.

Những người di dân đến từ nhiều vùng miền khác nhau, song chủ đạo là quê gốc vùng Thanh - Nghệ. Những lớp cư dân đó cũng xuất thân từ nhiều giai tầng xã hội khác nhau. Nhưng trong buổi đầu khốn khó, họ đã cùng nhau chung sức để khai phá lập nên các làng xã mới cũng như thay đổi diện mạo các làng xã đã ra đời trước đó. Từ đó, xây dựng cuộc sống mới trên quê hương mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban tộc phổ họ Lê Thừa Thiên Huế (2007). *Họ Lê Việt Nam và Thừa Thiên Huế*, tập 2, Lưu hành nội bộ.
- [2]. Bảo tàng Văn hóa dân gian Huế (2008). *Văn bản Hán Nôm làng xã vùng Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [3]. Nguyễn Văn Đăng (2010). “Một số vấn đề về làng xã ven biển miền Trung qua tư liệu Hán Nôm làng Hà Thanh”, *Văn hóa - Lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [4]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

MIGRATION OF THE VIET PEOPLE TO THE SOUTHERN COASTAL AREA OF THUA THIEN HUE PROVINCE UNDER THE NGUYEN LORDS

Mai Van Duoc

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: maichuoc@gmail.com

ABSTRACT

The southern coastal area of Thua Thien Hue province, belongs to Hue city along with Phu Vang and Phu Loc districts, is determined from Thuan An sea gate to Hai Van mountain. Under the Nguyen Lords, this region welcomed many classes of Vietnamese immigrants to settle down, in particular the period from when Nguyen Hoang Lord came to manage Thuan Hoa land to before the Trinh - Nguyen War (1558-1627). These migrants came from many regions and belonged to many different social strata, but most of them were farmers from Thanh - Nghe area. Specially, a part of these migrants assisted Nguyen Hoang Lord. Later, their descendants received many graces from the Nguyen Lords government.

Keywords: coastal area, migrants, Nguyen Lords.



Mai Văn Được sinh ngày 20/7/1993 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân Lịch sử năm 2015 tại Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế. Năm 2019, ông nhận học vị Thạc sĩ tại Đại học Khoa học, ĐH Huế. Hiện nay, ông giảng dạy tại Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, làng xã Việt Nam, dòng họ Việt Nam.

